TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;

2. Bà Trần Thị Bích Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu S, sinh năm 1976; Địa chỉ: 21 Ngự Bình, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.
- Bị đơn: Ông Trương Bùi S, sinh năm 1972; Địa chỉ: 21 Ngự Bình, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, bản tự khai ngày 13/12/2021 của bà Đặng Thị Thu S và bản tự khai của ông Trương Bùi S ngày 14 tháng 12 năm 2021 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà Đặng Thị Thu S tại phiên tòa đã xác định được như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 14/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Thủy An nay là phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại 21 Ngự Bình, phường A, thành phố H. Qúa trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc mà luôn xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S gửi đơn xin được ly hôn với ông S.

Về phía bị đơn ông Trương Bùi S trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn như bà S trình bày. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S đồng ý ly hôn theo đơn của bà S.

Về con chung: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S xác nhận, vợ chồng có hai con chung tên là Trương Ngọc Minh Châu, sinh ngày 23-4-1998 và Trương Ngọc Minh Đạt, sinh ngày 18/3/2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình Tòa án giải quyết vụ án đã gửi giấy triệu tập cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 20/12/2021 cho bà Đặng Thị Thu S, ông Trương Bùi S, tuy nhiên ông S vắng mặt và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24/12/2021. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký, các bên đương sự đều chấp nhành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu Sương, cho chị Sương được ly hôn với anh Sơn; Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không ai đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét; Buộc chị Sương phải chịu án phí là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Trương Bùi S đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu S, ông Trương Bùi S xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của bà S, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của bà S, ông S, quá trình Tòa án điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhiều năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn tình cảm. Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để mục đích hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông S không đến Tòa án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bản thân ông S cũng muốn ly hôn với bà S nên không mong muốn Toà án hoà giải đoàn tụ. Nhận thấy vợ chồng bà Sương, ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho bà S được ly hôn với ông S là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S xác nhận, vợ chồng có hai con chung tên là Trương Ngọc Minh C, sinh ngày 23-4-1998 và Trương Ngọc Minh Đ, sinh ngày 18/3/2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đặng Thị Thu S được ly hôn với ông Trương Bùi S; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S xác nhận, vợ chồng có hai con chung tên là Trương Ngọc Minh C, sinh ngày 23-4-1998 và Trương Ngọc Minh Đ, sinh ngày 18/3/2000. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Thu S và ông Trương Bùi S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu S chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2021/0000718 ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; Bà S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND phường A
, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi